

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ L  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Bản án số: 37/2018/HS-ST  
Ngày: 05/7/2018.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hà Linh.**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thành – Bà Vũ Thị Minh Huệ**

***Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh*** – Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Hùng*** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/HPT-HS ngày 07/6/2018, đối với bị cáo: **NGUYỄN CÔNG T-** (tên gọi khác: Chột, Đen), sinh năm 1994 tại Bình Thuận;

Nơi cư trú: Khu phố 11, phường BT, thị xã L, tỉnh Bình Thuận;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 1/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Công T, sinh năm 1967 và bà: (Không rõ mẹ).

Vợ: Lê Phương K, sinh năm: 1997; Có 01 người con sinh năm 2014. Tiền án: Không;

Tiền sự: - Ngày 10/02/2017, bị Công an phường BT xử phạt vi phạm Hành chính số tiền 750.000 đồng về Hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 0019112/QĐ-XPHC);

- Ngày 08/9/2017, bị Công an thị xã LaGi xử phạt vi phạm Hình chính số tiền 1.500.000 đồng, về Hình vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 0111038/QĐ-XPHC). Hiện T chưa chấp Hình 02 Quyết định xử phạt trên.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**\* Bị hại:**

1. Trần Văn Đ, sinh năm: 1992;
2. Trần Xuân N, sinh năm: 2000;
3. Trần Xuân P, sinh năm: 1992;
4. Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989.

Tất cả cùng nơi cư trú: Thôn Bắc H, xã Kỳ H, thị xã Kỳ A, tỉnh H Tĩnh. Tất cả vắng mặt

**\* Người có quyền lợi, N vụ liên quan:** Trần Thị H, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Thôn Bắc H, xã Kỳ H, thị xã Kỳ A, tỉnh H Tĩnh. Vắng mặt

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/12/2017, Nguyễn Công T chèo đò chở khách từ khu vực sông Dinh thuộc Khu phố 11, phường BT đi đến cảng cá L thuộc phường Phước L. Khi quay về, T phát hiện trên chiếc ghe số hiệu HT 20708 TS của chị Trần Thị H neo đậu trên sông Dinh có chiếc điện thoại đang sạc pin nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định này, T chèo xuống của mình vào bên neo lại, rồi lội nước ra ghe của chị H. Lúc này khoảng 23 giờ cùng ngày, T trèo lên ghe của chị H thì nhìn thấy có 04 người thA niên gồm Trần Xuân P, Trần Xuân N, Trần Văn Đ và Nguyễn Văn T đang ngủ trong cabin. T lén lút lấy chiếc điện thoại di động Nokia 2730 của A P đang sạc pin. Tiếp đó T lấy chiếc giỏ xách màu đỏ của A Đ kiểm tra bên trong có số tiền 400.000 đồng của A Đ và 2 chiếc điện thoại Sam Sung J2 của A Đ và A N, T lấy bỏ vào túi quần. Ngoài ra, trong khi lục giỏ xách T làm rơi xuống sông 01 chiếc điện thoại di động không rõ nhãn hiệu của A T. Sau khi lấy được các tài sản trên, T đã ném chiếc giỏ xách cùng với 2 chứng minh nhân dân của A Đ và A P xuống sông Dinh rồi đi về nH.

- Theo như lời trình bày của bị cáo Nguyễn Công T thì sáng ngày 02/12/2017, T đem những tài sản trộm được nêu trên đi bán thì bị Công an phường Phước Hội thấy nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc và bị cáo đã khai nhận toàn bộ Hình vi

*phạm tội nêu trên, giao nộp lại 03 chiếc điện thoại đã chiếm đoạt được. Ngoài ra, T còn khai có nhặt được 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL của khách làm rơi trên xuống và cũng đã giao nộp cho lực lượng Công an.*

*- Theo các đơn trình báo và lời khai ban đầu của các bị hại cũng như người có quyền lợi, N vụ liên quan thì thời gian, địa điểm, số lượng và đặc điểm tài sản các bị hại bị chiếm đoạt đúng như bị cáo T khai, cụ thể: các bị hại Trần Văn Đ, Trần Xuân P, Trần Xuân N và Nguyễn Văn T đều là người làm công cho chị Trần Thị H, chủ ghe HT 20708 TS. Vào đêm ngày 01/12/2017, ghe neo đậu tại khu vực sông Dinh thuộc khu phố 11, phường BT, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Lúc này, trên ghe có cả 4 người cùng ngủ, đến khoảng 4 giờ sáng ngày hôm sau (02/12/2018) các bị hại mới phát hiện bị mất tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Nokia 2730 và giấy chứng minh nhân dân của A P; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2, 01 chiếc giỏ xách màu đỏ không rõ nhãn hiệu, 01 giấy chứng minh nhân dân và số tiền 400.000 đồng của A Đ; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2 của A N. Hiện các A P, Đ, N đã nhận lại chiếc điện thoại Nokia 2737 và 02 chiếc điện thoại Samsung J2. Riêng chiếc điện thoại của A T, 02 giấy chứng minh nhân dân của A Đ, A P, chiếc giỏ xách và số tiền 400.000 đồng của A Đ không truy tìm được và bị cáo chưa bồi thường.*

Do các bị hại và những người có quyền lợi, N vụ liên quan đều cư trú tại tỉnh H Tĩnh, sau khi trình báo sự việc, lấy lời khai ban đầu, nhận lại tài sản, đã đi nơi khác đánh bắt hải sản, Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra nhưng không có kết quả. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành thủ tục xác minh, niêm yết theo quy định nhưng những người nêu trên vẫn vắng mặt đến lần thứ hai.

Tại Kết luận định giá tài sản số 121/KL-ĐGTS ngày 05/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L thể hiện: 2 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung J2 trị giá 3.900.000 đồng; chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 2730 trị giá 100.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là **4.400.000** đồng (gồm 400.000 đồng tiền mặt và giá trị 03 chiếc điện thoại là 4.000.000 đồng). Đối với chiếc giỏ xách và chiếc điện thoại của A T do không truy tìm được vật chứng, không xác định được nhãn hiệu, đặc điểm nên không có căn cứ định giá.

**Về vật chứng vụ án:** Gồm 2 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung J2 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 2730, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Văn Đ, Trần Xuân N và Trần Xuân P.

Riêng đối với chiếc điện thoại ITEL, bị cáo T khai là nhặt được, hiện chưa tìm được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra quản lý để giải quyết bằng vụ việc khác.

**Về dân sự:** Các bị hại là lao động tự do, làm nghề đi biển lại cư trú ở xa nên sau khi trình báo sự việc và nhận lại tài sản đã bỏ đi; Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không xác định đang ở đâu nên không làm việc được.

Sau khi phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những chứng cứ xác định có tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của Hành vi phạm tội; hậu quả do Hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng số: 29/QĐ-VKS ngày 13/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, truy tố bị cáo Nguyễn Công T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p Khoản 1 Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Công T, mức án tù: 12 đến 18 tháng tù.

2. Về dân sự: Tách phần yêu cầu bồi thường dân sự của các bị hại để giải quyết sau, khi các bị hại có yêu cầu.

- **Ý kiến của bị cáo Nguyễn Công T:** Đồng ý với nội dung luận tội của Kiểm sát viên nên không có ý kiến trả luận.

\* **Bị cáo Nguyễn Công T nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy Hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trả tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng. Do đó, các Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hành tố tụng, người tiến Hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, các bị hại Trần Xuân P, Trần Xuân N, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, N vụ liên quan Trần Thị H đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người nêu trên đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; việc vắng mặt của những người này chỉ trở ngại cho việc giải quyết bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử sẽ vẫn tiến Hnh xét xử và tách việc bồi thường để xét xử sau là phù hợp với quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét thấy, lời khai của bị cáo Nguyễn Công T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở và căn cứ pháp lý để kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 01/12/2017, tại khu vực sông Dinh thuộc Khu phố 11, phường BT, thị xã L, lợi dụng các bị hại ngủ say, Nguyễn Công T lén lút lấy của A Trần Xuân P, Trần Xuân N, Trần Văn Đ và Nguyễn Văn T các tài sản, đồ vật gồm: 02 chứng minh nhân dân, 01 giỏ xách, số tiền 400.000 đồng và 04 chiếc điện thoại di động (trong đó có 02 chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam Sung J2 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia 2730, tổng giá trị là 4.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 thì “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt Hnh chính về Hnh vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*”, Vậy nên, việc bị cáo T có Hnh vi lén lút chiếm đoạt số tài sản có tổng giá trị là 4.400.000 đồng đã đủ yếu tố cấu tHnh tội “Trộm cắp tài sản”.

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Công T về tội dA, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của Hnh vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu chăm chỉ học tập, lao động, tu dưỡng đạo đức để trở tHnh công dân tốt, có ích cho gia đình - xã hội mà sớm sa vào nghiện ngập và để thỏa mãn nhu cầu nghiện ngập, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản người bị hại, lén lút chiếm đoạt tài sản.

Hnh vi của bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử phạt vi phạm Hnh chính về Hnh vi “trộm cắp tài sản” và “tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo vẫn tiếp tục có Hnh vi trộm cắp tài sản. Hơn nữa, hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại nghiện ma túy nặng, việc bị cáo ở bên ngoài xã hội sẽ không tránh khỏi tiếp xúc với những tHnh phần xấu nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để

răn đe, giáo dục bị cáo, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội và cũng để bị cáo có điều kiện quyết tâm cai nghiện.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo tHnh khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về dân sự: Do các bị hại Trần Xuân P, Trần Xuân N, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T, vốn cư trú tại tỉnh H Tĩnh, quá trình điều tra, những người này sau khi trình báo sự việc, nhận lại tài sản, đã bỏ đi, Cơ quan điều tra không tiến Hnh triệu tập làm việc được. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến Hnh thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng họ vẫn vắng mặt đến lần thứ hai nên cần tách phần bồi thường dân sự để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi các bị hại có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với chiếc điện thoại di động IteI, qua điều tra, chưa tìm được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục quản lý để giải quyết bằng vụ việc khác là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1. Căn cứ vào:** Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Công T (Chột, Đen) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

**a. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

**Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Công T **12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

**2. Về dân sự:** Áp dụng: Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho các bị hại Trần Xuân P, Trần Xuân N, Trần Văn Đ, Nguyễn Văn T đối với thiệt hại do bị cáo Nguyễn Công T gây ra, khi có yêu cầu.

**3. Về án phí:** Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Công T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các bị hại, người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**\*Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận
- VKSND tỉnh Bình Thuận
- Phòng PC81- CA tỉnh Bình Thuận
- VKSND thị xã L
- THADS thị xã L
- Công an thị xã L
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu HS - Lưu Tòa án
- UBND địa phương nơi BC cư trú

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vũ Hà Linh**

